

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 3961/TTr-UBND, ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 với nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

a) Tổng sản phẩm (GRDP) tăng 7,5%, trong đó:

- Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,1%;
- Công nghiệp, xây dựng tăng 13,8%;

Trong đó: Công nghiệp tăng 15,8%.

- Dịch vụ tăng trên 6,3%;

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,05%.

b) GRDP bình quân đầu người 33,3 triệu đồng.

c) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 275,5 ngàn tấn; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 40 triệu đồng.

d) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) trên 2.370 triệu USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại

địa bàn 120 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn 600 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát 1.650 triệu USD.

đ) Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 1.800 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa 1.600 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu 200 tỷ đồng.

e) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 10%.

1.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

a) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; mỗi huyện, thành phố tăng thêm ít nhất 01 trường chuẩn quốc gia.

b) Mức giảm tỷ suất sinh 0,089‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,88%.

c) Có 15 bác sỹ/vận dân; 100% trạm y tế xã có bác sỹ đến làm việc; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 65,3%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 98,5%.

d) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cuối năm 2020 còn dưới 17,8%.

đ) Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 85%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 55%; tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa 95%; tỷ lệ xóm có nhà văn hóa 80,7%.

e) Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên.

g) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%, trong đó đào tạo nghề 33%.

h) Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm 5 xã trở lên.

1.3. Các chỉ tiêu về môi trường

a) Tỷ lệ che phủ rừng 55%.

b) Phần đầu đạt 95% dân cư thành thị được dùng nước sạch, trên 90% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

c) Phần đầu 10% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà so với năm 2015 (2.578 hộ).

2. Những giải pháp chủ yếu

2.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, các đề án, dự án phát triển nông lâm nghiệp; đẩy nhanh việc ứng dụng tiến bộ Khoa học - Công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong sản xuất; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất; củng cố tổ chức và tăng cường năng lực cho các đơn vị dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp.

Tiếp tục rà soát và xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, các chính sách khuyến khích doanh nghiệp, các tổ chức đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; rà soát vùng chuyên canh, luân canh, đảm bảo gieo trồng hết diện tích, vận động nhân dân chăm sóc cây trồng để nâng cao năng suất, sản

lượng. Cung ứng đầy đủ, kịp thời lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, các loại giống cho sản xuất, tăng tỷ lệ giống lúa, ngô lai cho sản xuất.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tổ chức thực hiện công tác thường trực phòng chống lụt bão và khắc phục hậu quả thiên tai.

Tiếp tục đẩy mạnh đưa ra sức ra khỏi gảm sàn; tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đặc biệt là trách nhiệm của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

2.2. Công nghiệp - Xây dựng

Ưu tiên nguồn lực, ưu đãi về chính sách cho một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực, đại diện cho công nghiệp của tỉnh như: công nghiệp chế biến khoáng sản (sản xuất phôi thép, sản xuất Feromagan, sản xuất chỉ thời); sản xuất điện (thủy điện); chế biến nông lâm sản có lợi thế so sánh (chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản phẩm từ cây trúc, chế biến gỗ các loại). Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, Sản xuất điện (thủy điện) trên cơ sở tài nguyên đã được đánh giá đầy đủ, gắn với tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và trật tự an toàn xã hội tại những nơi khai thác và các nhà máy chế biến, sản xuất.

Thực hiện nghiêm công tác cấp giấy phép xây dựng công trình, thẩm định dự án, thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, thẩm định thiết kế - dự toán, kiểm tra nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo đúng quy trình; nâng cao chất lượng quy hoạch; hoàn thiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng (lò hofman) sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2020; đẩy mạnh thực hiện các dự án phát triển đô thị. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2); xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn như: Đường phía Nam khu đô thị mới: Kè bờ trái Sông Hiến, dự án đường 208, dự án Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hà Giang và Cao Bằng do ADB tài trợ; dự án Hỗ trợ kinh doanh nông hộ trên địa bàn tỉnh (CSSP), các dự án phi chính phủ. Tiếp tục triển khai các dự án theo hình thức đối tác công tư. Kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; kiên

quyết chuyển chủ đầu tư hoặc chuyển vốn đầu tư đối với các chủ đầu tư yếu kém, không đáp ứng tiến độ giải ngân đề ra. Tập trung kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào các dự án, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

2.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước và của tỉnh để khuyến khích phát triển các loại hình thương mại truyền thống và hiện đại. Công khai và phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch phát triển ngành thương mại để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại của tỉnh. Phát triển mạnh thị trường trong tỉnh theo hướng đáp ứng mọi nhu cầu của sản xuất, đời sống, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, cân đối cung cầu về những mặt hàng trọng yếu cho sản xuất và đời sống, ngày càng có nhiều hàng hóa chất lượng cao, giá cả hợp lý, đủ sức cạnh tranh. Phát triển lĩnh vực thương mại theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại; thu hút các nguồn lực của doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hoạt động thương mại. Đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại như: hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; xây dựng mạng lưới phân phối kết nối sản phẩm trong tỉnh với thị trường trong và ngoài nước (Trung Quốc).

Tăng cường các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, tích cực khai thác nguồn hàng xuất khẩu, hình thành những mặt hàng chủ lực dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có của địa phương. Đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giao lưu kinh tế, thương mại. Tăng cường mối quan hệ trao đổi hàng hoá với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu qua địa bàn của tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, kết hợp với xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Tiếp tục đẩy mạnh quảng bá danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng. Đa dạng hoá sản phẩm du lịch, tạo ra sản phẩm độc đáo, đặc trưng của du lịch địa phương; triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn lực du lịch đến 2030.

2.4. Quy hoạch, kế hoạch, giao thông, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Tiếp tục triển khai lập quy hoạch tỉnh Cao Bằng theo Luật Quy hoạch; tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị các huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; đảm bảo giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và đầu tư năm 2020 theo quy định của pháp luật; đề ra các giải pháp để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020; tổ chức thực hiện kế hoạch hành động của tỉnh về thực hiện Chương trình nghị sự đến 2030 vì sự phát triển bền vững; triển khai thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 -2020. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ, đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi

phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ. Thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong dịp Lễ, Tết, phục vụ kịp thời nhu cầu đi lại của nhân dân. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công để hoàn thành các công trình, dự án giao thông trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tích cực thúc đẩy triển khai dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng).

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh nhất việc đăng ký kinh doanh, đăng ký chứng nhận đầu tư các dự án của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các thủ tục phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân. Tổ chức các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết, chương trình của Trung ương, Đề án, kế hoạch của Tỉnh về cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cấp sở, ngành và huyện, thành phố (DDCI).

2.5. Tài chính, Ngân hàng

Tập trung triển khai ngay từ đầu năm nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; rà soát nắm chắc các đối tượng thuộc diện nộp thuế mới phát sinh đưa vào quản lý theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo và thực hiện triệt để khai thác các nguồn thu chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế nhằm thu ngân sách đạt kết quả cao nhất; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường chỉ đạo và đưa ra các giải pháp giải ngân vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch đề ra đúng tiến độ. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Chủ động cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn để đảm bảo thanh khoản, ổn định lãi suất huy động; tăng cường công tác thẩm định, giảm sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích hạn chế nợ xấu phát sinh. Tăng cường huy động các nguồn vốn trên địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vay vốn. Triển khai đầy đủ và có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, hỗ trợ vốn cho các đối tượng chính sách sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo.

2.6. Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc dự báo, hoạch định chính sách, phục vụ công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước tại địa phương giai đoạn 2021-2025. Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh. Tăng cường ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học và công nghệ, tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc chuyển giao tiến bộ khoa học vào sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ nhằm đẩy nhanh tốc độ và nâng cao

chất lượng tăng trưởng của kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Triển khai mạnh mẽ chương trình khởi nghiệp, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng, hỗ trợ thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghệ và thị trường công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ.

2.7. Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản để đảm bảo hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo các quy định của pháp luật nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của các sông; ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước tại địa bàn các huyện, thành phố. Kiểm tra, đôn đốc các cơ sở ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng áp dụng các biện pháp xử lý môi trường đảm bảo chất thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và đúng tiến độ đề ra. Thực hiện đăng ký danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; thực hiện tốt việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; quản lý tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát đất công, đất dôi dư của các huyện, thành phố còn chậm.

2.8. Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục thực hiện tốt Thông báo Kết luận số 41-KL/TW ngày 11/10/2006 của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí; hướng dẫn các đơn vị tuyên truyền theo chỉ đạo, định hướng của của Bộ Thông tin và Truyền Thông, Ban Tuyên giáo Trung ương và của tỉnh. Đẩy mạnh tăng cường ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, thúc đẩy Chính quyền điện tử, tạo điều kiện liên kết chặt chẽ, tăng năng lực hợp tác giữa các cơ quan nhà nước tỉnh, hoàn thiện việc tích hợp dữ liệu liên kết giữa các đơn vị, tăng cường mối quan hệ trao đổi giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp; triển khai các hoạt động công ích, dịch vụ Bưu chính viễn thông, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác bảo vệ an toàn mạng bưu chính viễn thông, an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện, đảm bảo thông tin

liên lạc được thông suốt phục vụ các cơ quan Đảng, nhà nước, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

2.9. Văn hóa - Xã hội

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 33- NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành TW Đảng (khóa XI) "về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, TDTT ở các cấp. Tăng cường huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức thực hiện kế hoạch Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2020; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Cao Bằng; đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực thể dục thể thao.

Tiếp tục duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tăng cường xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo mỗi huyện, thành phố có thêm ít nhất 01 trường đạt chuẩn. Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025, trong đó thực hiện việc rà soát, đánh giá điều kiện hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non; tiếp tục thực hiện dồn các điểm trường lẻ, sáp nhập các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ khỏi mầm non, phổ thông; sắp xếp hệ thống trường lớp phù hợp với địa phương vừa đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục. Củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú. Chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo định hướng phát triển năng lực của học sinh; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các thành tựu khác của khoa học và công nghệ; có kế hoạch sắp xếp, bố trí đủ giáo viên, nhất là giáo viên dạy các môn đặc thù, giáo viên ngoại ngữ, tin học và nhân viên thí nghiệm, thư viện cho các trường học phổ thông. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục.

Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và tuyên truyền các chế độ chính sách về y tế; chủ động trong công tác phòng chống dịch, bệnh, đặc biệt

là đối với các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi, các vùng hay xảy ra dịch bệnh. Thực hiện có hiệu quả hoạt động các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu về Y tế - Dân số. Tăng cường đảm bảo chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Từng bước phát triển về chuyên khoa sâu. Nâng cao hoạt động y tế cơ sở nhất là y tế tuyến xã. Thực hiện luân phiên viên chức y tế giữa các cơ sở y tế tuyến tỉnh với Trung tâm y tế tuyến huyện và ngược lại. Thường xuyên luân phiên bác sỹ từ Trung tâm y tế huyện về làm việc định kỳ tại Trạm Y tế xã, đảm bảo 100% Trạm Y tế xã có bác sỹ làm việc thường xuyên hoặc ít nhất 02 ngày/tuần. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về Bảo hiểm y tế, thanh tra, kiểm tra hoạt động các đơn vị y tế, các cơ sở hành nghề Y - Dược tư nhân, các cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm. Đảm bảo 100% cơ sở khám chữa bệnh công lập tuyến huyện thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV, tăng số bệnh nhân được điều trị bằng thuốc ARV, nâng cao chất lượng các dịch vụ dự phòng, tư vấn HIV tại cộng đồng. Đẩy mạnh công tác thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã. Rà soát, đánh giá thực trạng các xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được ban hành theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế; xây dựng kế hoạch và có các giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chú trọng công tác phân luồng học sinh; kết nối đồng bộ giữa đào tạo với tạo việc làm trong nước và làm tốt công tác tạo nguồn xuất khẩu lao động. Tập trung tổ chức thực hiện tốt các chính sách, dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tạo điều kiện để người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách, chế độ ưu đãi người có công; đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống các đối tượng người có công; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội.

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của đảng, phát luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc. Tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo (CT 135, chương trình 30a); Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 45/QĐ-TTg

ngày 9/01/2019 về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025; Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025; Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021.

2.10. Nội vụ, thanh tra, tư pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính; thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo một số ngành, huyện và thành phố; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; tín ngưỡng, tôn giáo; văn thư, lưu trữ; thanh niên; đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 theo quy định của pháp luật.”; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo; chủ động nắm tình hình, kịp thời hướng dẫn tổ chức tôn giáo thực hiện đúng quy định của pháp luật trong các hoạt động về tôn giáo; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020.

Đẩy mạnh thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành năm 2020 theo kế hoạch; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tập trung triển khai toàn diện, có hiệu quả, chất lượng công tác tư pháp; thực hiện có hiệu quả công tác góp ý, thẩm định, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định hướng dẫn thi hành. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính, hành chính tư

pháp, hỗ trợ tư pháp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2.11. Quốc phòng, An ninh

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền quốc gia và biên giới lãnh thổ. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; thực hiện có hiệu quả Biên bản thoả thuận về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện theo kế hoạch; tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiềm chế làm giảm các loại tội phạm. Tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2019./. *ng*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

 **CHỦ TỊCH**

Đàm Văn Eng